

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục, dự toán và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ mới cấp tỉnh đợt VI, năm 2021**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Công văn số 3803/BKHCN-KHTC ngày 16/12/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2021 của các tỉnh, thành phố;*

*Căn cứ Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Thanh Hóa, năm 2021;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 2363/SKHCN-KHTC ngày 27/12/2021, của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 7384/STC-HCSN ngày 25/11/2021.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục, dự toán và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) mới cấp tỉnh đợt VI năm 2021, với các nội dung chủ yếu như sau:

#### **1. Danh mục và dự toán chi tiết các nhiệm vụ KH&CN.**

1.1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN: 03 nhiệm vụ (*Tên, đơn vị chủ trì, mục tiêu, nội dung chính, dự kiến kết quả, thời gian thực hiện, kinh phí thực hiện của từng nhiệm vụ KH&CN tại Phụ lục I kèm theo*).

1.2. Kinh phí thực hiện: 10.521,303 triệu đồng (*Mười tỷ, năm trăm hai mươi một triệu, ba trăm linh ba nghìn đồng*), trong đó:

- Nguồn sự nghiệp KH&CN (phần ngân sách nhà nước): 2.551,225 triệu đồng;

- Nguồn khác và nguồn tự có: 7.970,078 triệu đồng.

*(Có dự toán chi tiết tại Phụ lục: I.1, I.2, I.3 kèm theo).*

## **2. Cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phần ngân sách nhà nước hỗ trợ**

2.1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN được cấp kinh phí: 03 nhiệm vụ.

2.2. Tổng kinh phí cấp: 1.135 triệu đồng *(Một tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu đồng).*

2.3. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2021.

*(Nội dung chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).*

**Điều 2.** Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này:

1. Sở Khoa học và Công nghệ: Quyết định bổ nhiệm chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN; kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đảm bảo tiến độ và đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Tài chính: Thực hiện cấp kinh phí cho các đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN; kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí của đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

3. Các đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN: Triển khai, thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đảm bảo đúng nội dung, tiến độ đã được phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

4. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về chính chính xác, hợp pháp của số liệu và hồ sơ trình; việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng đơn vị chủ trì các nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Điều 1 và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- PCVP UBND tỉnh Cao Thanh Tùng;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KH&CN MỚI CẤP TỈNH ĐỢT VI, NĂM 2021**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
1.	Đề tài: Nghiên cứu, chọn tạo, khảo nghiệm giống lúa thuần Việt Thành 213 đủ điều kiện công nhận lưu hành và cấp bằng bảo hộ giống cây trồng mới.	Công ty TNHH Giống cây trồng Việt Thành	Chọn tạo được 1 giống lúa thuần Việt Thành 213 năng suất, chất lượng, hiệu quả cao (Thời gian sinh trưởng và phát triển 128-130 ngày/vụ xuân, 105-107 ngày/vụ mùa; Năng suất TB vượt đối chứng Bắc thom số 7: 5-10%); chất lượng cơm gạo tương đương với giống Hương thom số 1) được Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp bằng bảo hộ và công nhận lưu hành tại các tỉnh phía Bắc.	- Chọn và làm thuần giống: Vụ Mùa 2021(G0); vụ Xuân 2022(G1); vụ Mùa 2022(G2), Vụ Xuân 2023; Nguyên chủng (NC). -Khảo nghiệm có kiểm soát (đánh giá khả năng chống chịu sâu bệnh). -Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật canh tác giống lúa thuần Việt Thành 213 - Khảo nghiệm diện rộng trên đồng ruộng (kết hợp khảo nghiệm trình diễn, xây dựng thâm canh). - Hoàn thiện Hồ sơ đề nghị cấp văn bằng bảo hộ giống lúa thuần Việt Thành	- Báo cáo kết quả sản xuất hạt giống (G0,G1,G2, NC). - Báo cáo kết quả khảo nghiệm có kiểm soát (Báo cáo đánh giá tính chống chịu sâu bệnh hại của giống lúa Việt Thành 213). -Quy trình sản xuất giống lúa Việt Thành 213. - Báo cáo kết quả khảo nghiệm diện rộng (Báo cáo khảo nghiệm sản xuất). - Văn bằng bảo hộ giống lúa Việt Thành 213. - Quyết định công nhận lưu hành giống lúa Việt Thành 213 cho các tỉnh Phía Bắc. - Báo cáo phương án sử dụng kết quả đề tài (được Sở NN&PTNT tiếp nhận).	24 tháng	2.105,843	993,995	Dự toán chi tiết tại Phụ lục I.1 kèm theo

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
				213 và công nhận giống lưu hành cho khu vực phía Bắc. - Xây dựng phương án sử dụng kết quả của đề tài. - Viết báo cáo tổng kết, nghiệm thu đề tài.	- 01 bài báo công bố trên tạp chí chuyên ngành. - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài.				
2.	Dự án: Ứng dụng công nghệ mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hoàn thiện quy trình sản xuất robot bóng bàn phục vụ tập luyện bóng bàn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Tự động hóa thể thao	- Hoàn thiện được quy trình chế tạo robot bóng bàn. - Xây dựng được hồ sơ và công bố tiêu chuẩn cơ sở cho robot bóng bàn. - Sản xuất được tối thiểu 300 robot bóng bàn đạt tiêu chuẩn cơ sở đã công bố. - Xây dựng thành công 01 mô hình tập luyện bóng bàn sử dụng robot đã chế tạo.	- Hoàn thiện quy trình chế tạo robot bóng bàn - Xây dựng hồ sơ và công bố tiêu chuẩn cơ sở cho các loại robot bóng bàn - Tổ chức sản xuất robot bóng bàn theo tiêu chuẩn cơ sở đã công bố - Triển khai mô hình thử nghiệm robot bóng bàn tại 01 cơ sở tập luyện bóng bàn - Xây dựng và nộp hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ - Xây dựng phương	- Bản quy trình chế tạo robot bóng bàn - 03 bản tiêu chuẩn cơ sở cho 03 loại robot bóng bàn - Báo cáo kết quả triển khai sản xuất robot bóng bàn tại Công ty CP tự động hóa thể thao. - 300 robot bóng bàn đạt tiêu chuẩn cơ sở đã công bố, trong đó: + 100 robot mẫu 1: Máy tập bóng bàn tự thu hồi bóng (Robot bóng bàn-TH) + 100 robot mẫu 2: Máy tập bóng bàn để bàn bắn đa điểm (Robot bóng bàn-DD) + 100 robot mẫu 3: Máy	18 tháng	3.400,87	690,8	Dự toán chi tiết tại Phụ lục I.2 kèm theo

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
				án sử dụng và nhân rộng kết quả của dự án	tập bóng bàn để bàn bắn hướng cố định (Robot bóng bàn-CD) - Báo cáo kết quả triển khai mô hình tập luyện bóng bàn sử dụng robot bóng bàn tại Thanh Hóa - Hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ - Phương án sử dụng và nhân rộng kết quả dự án - Báo cáo khoa học tổng kết dự án.				
3.	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình trồng Dừa xiêm (Cocos Nucifera L.) đạt tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Công ty Cổ phần nông sản Thọ Chung	- Tiếp nhận được Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc giống Dừa Xiêm của Viện Nghiên cứu Dầu và cây có Dầu. - Xây dựng thành công mô hình trồng 10ha Dừa Xiêm đạt tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Thọ Xuân. - Đào tạo 5 cán bộ kỹ thuật, tập huấn quy trình kỹ thuật cho 50 lượt người dân.	- Tiếp nhận Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc giống Dừa Xiêm (5 cán bộ được đào tạo) - Xây dựng mô hình trồng dừa Xiêm đạt tiêu chuẩn VietGAP quy mô 10ha với mật độ trồng 200 cây/ha (7m x 7m) theo quy trình kỹ thuật được tiếp nhận; + Tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn	- Mô hình trồng Dừa xiêm 10ha đạt tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Thọ Xuân. - Kế hoạch phát triển Dừa xiêm được UBND huyện Thọ Xuân đồng ý tiếp nhận. - Bản hướng dẫn kỹ thuật xây dựng mô hình trồng dừa Xiêm đạt tiêu chuẩn VietGAP phù hợp với điều kiện Thanh Hóa - 05 cán bộ kỹ thuật, 50 lượt người dân được tập	36 tháng	5.014,59	866,43	Dự toán chi tiết tại Phụ lục I.3 kèm theo

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
				<p>VietGAP, đánh giá chứng nhận VietGAP;</p> <p>+ Hội thảo đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và cho thu hoạch của các mô hình;</p> <p>+ Hội thảo đánh giá hiệu quả và nhân rộng mô hình;</p> <p>- Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật xây dựng mô hình trồng dưa Xiêm đạt tiêu chuẩn VietGAP phù hợp với điều kiện Thanh Hóa;</p> <p>- Tập huấn cho 50 người dân.</p> <p>- Xây dựng kế hoạch phát triển dưa Xiêm tại huyện Thọ Xuân.</p> <p>- Báo cáo tổng kết dự án</p>	<p>huấn quy trình kỹ thuật</p> <p>- Báo cáo tổng kết dự án.</p>				
	<b>Tổng cộng</b>						<b>10.521,303</b>	<b>2.551,225</b>	

**Phụ lục I.1**

**Dự toán chi tiết đề tài: “Nghiên cứu, chọn tạo, khảo nghiệm giống lúa thuần Việt Thành 213  
đủ điều kiện công nhận lưu hành và cấp bằng bảo hộ giống cây trồng mới”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Nội dung chi	Tổng (Triệu đồng)	Trong đó (Triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)	1.542,502	677,002	647,002	865,5
2.	Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng	378,261	131,913	131,883	246,348
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	0	0	0	0
4.	Khoản 4: Xây dựng và sửa chữa nhỏ	0	0	0	0
5.	Khoản 5: Chi khác	185,08	185,08	180,58	0
	<b>Tổng</b>	<b>2.105,843</b>	<b>993,995</b>	<b>959,465</b>	<b>1.111,848</b>

**Ghi chú:** Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Kết luận thẩm định số 2360/KLTD-SKHCHN ngày 25/12/2021 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.

**Phụ lục I.2**

**Dự toán chi tiết dự án: “Ứng dụng công nghệ mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hoàn thiện quy trình sản xuất robot bóng bàn phục vụ tập luyện bóng bàn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Nội dung chi	Tổng (Triệu đồng)	Trong đó (Triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Nguyên, vật liệu, năng lượng	476,33	196,08	0	280,25
2.	Đầu tư cơ sở hạ tầng	415	0	0	415
3.	Chi phí hỗ trợ công nghệ	116,47	116,47	116,47	0
4.	Máy móc, thiết bị	1.825,65	0	0	1825,65
5.	Chi phí lao động	291,02	171,02	171,02	120
6.	Chi khác	276,4	207,23	207,23	69,17
	<b>Tổng</b>	<b>3.400,87</b>	<b>690,8</b>	<b>494,72</b>	<b>2.710,07</b>

**Ghi chú:** Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Kết luận thẩm định số 2353/KLTĐ-SKHCVN ngày 24/12/2021 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.



**Phụ lục I.3**

**Dự toán chi tiết dự án: “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình trồng  
Dừa xiêm (Cocos Nucifera L.) đạt tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Nội dung chi	Tổng (Triệu đồng)	Trong đó (Triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Chi phí nguyên vật liệu	659,56	155,55	0	504,01
2.	Khoản 2: Chi phí năng lượng	159,0	0	0	159,0
3.	Khoản 3: Chi phí mua thiết bị, máy móc	737,0	146,80	0	590,200
4.	Khoản 4: Chi phí hỗ trợ công nghệ	242,853	194,953	194,953	47,900
5.	Khoản 5: Đầu tư cơ sở hạ tầng	1.100,00	0	0	1.100,000
6.	Khoản 6: Chi phí lao động	1.865,397	138,347	138,347	1.727,050
7.	Khoản 7: Chi khác	250,780	230,780	230,780	20,000
	<b>Tổng</b>	<b>5.014,59</b>	<b>866,43</b>	<b>564,08</b>	<b>4.148,16</b>

**Ghi chú:** Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Kết luận thẩm định số 2354/KLTĐ-SKHCVN ngày 24/12/2021 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ./.

**Phụ lục II**

**CHI TIẾT CẤP KINH PHÍ CÁC NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH MỚI ĐỢT V, NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		
				Tổng số	SNKH	SNKH cấp đợt này
1.	Đề tài: Nghiên cứu, chọn tạo, khảo nghiệm giống lúa thuần Việt Thành 213 đủ điều kiện công nhận lưu hành và cấp bằng bảo hộ giống cây trồng mới.	Công ty TNHH Giống cây trồng Việt Thành	24 tháng	2.105,843	993,995	390
2.	Dự án: Ứng dụng công nghệ mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hoàn thiện quy trình sản xuất robot bóng bàn phục vụ tập luyện bóng bàn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Tự động hóa thể thao	18 tháng	3.400,87	690,8	345
3.	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình trồng Dừa xiêm (Cocos Nucifera L.) đạt tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Công ty Cổ phần nông sản Thọ Chung	36 tháng	5.014,59	866,43	400
<b>Tổng cộng</b>				<b>10.521,303</b>	<b>2.551,225</b>	<b>1.135</b>